

Số: 338/2026/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm
2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06/02/2026;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 0009/2026/TLST-VHNGĐ ngày 05/01/2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

1/ Ông **Lê Võ T**, sinh ngày 22/8/2003.

CCCD số: 093203004136 cấp ngày 01/9/2021 tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: 0 T, Khu phố A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà **Liễu Lê Ngọc L**, sinh ngày 27/11/2002.

CCCD số: 079302027312 cấp ngày 22/11/2021 tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: 0 T, Khu phố A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh

.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 40/2024 ngày 19/4/2024 của Ủy ban nhân dân Phường A, quận B (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Võ T và bà L1 Lê Ngọc L là hợp pháp. Ông T và bà L thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung:

Căn cứ vào Giấy khai sinh số 185/2024, ngày 07/8/2024 của Ủy ban nhân dân Phường A, quận B (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định ông T và bà L có con chung tên Lê Liễu Minh N, sinh ngày 29/7/2024.

Ông T và bà L cùng thống nhất giao con chung là Lê Liễu Minh N cho bà L1 Lê Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Về Tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông T và bà L phải chịu lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Xét thấy các đương sự thật sự tự nguyện ly hôn. Việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Võ T và bà Liễu Lê Ngọc L thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Ông T và bà L có 01 con chung tên Lê Liễu Minh N, sinh ngày 29/7/2024.

Giao con chung là trẻ Lê Liễu Minh N, sinh ngày 29/7/2024 cho bà L1 Lê Ngọc L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông T và bà L mỗi người chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0050493 ngày 17/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T và bà L đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV5-TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- UBND phường Bình Lợi Trung;
- Lưu: VP, hồ sơ.

Lê Tuấn

Nguyễn Lê Hoàng Yến

Dương